

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hường Việt

2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 - Số 52/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006
 - Số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/02/2008 và số 337/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2010 với 3 nội dung chính : (i) Thay đổi tên Công ty; (ii) Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; (iii) Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh (Bảo lãnh phát hành chứng khoán)
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 359.921.448.091 đồng
- Địa chỉ: Số 8 phố Thiên Quang, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: +84 4 3942 9775
- Số fax: +84 4 3942 9776
- Website: www.msgs.com.vn
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hướng Việt, chính thức được thành lập vào ngày 29/12/2006 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 52/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty có trụ sở đặt tại Số 8, Phố Thiên Quang, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2008 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự phát triển của Công ty với sự tham gia 49% vốn góp của Morgan Stanley. Ngày 05/02/2008 Công ty đã chính thức nhận được giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép đổi tên Công ty thành "**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt**", mở rộng ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tạo các cơ hội đầu tư và mang lại nguồn lợi cho khách hàng cũng như các cổ đông bằng sự tư vấn chuyên nghiệp, các giải pháp mang tính đột phá, quá trình thực hiện xuất sắc và cung cấp kênh kết nối toàn diện với thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các mốc thời gian quan trọng trong lịch sử phát triển của MSGS:

- 29/12/2006 MSGS được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 52/UBCK-GPHĐKD với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng và 4 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 46/QĐ-TTGDHN công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận thành viên Lưu ký số 53/GCNTVLK với mã thành viên lưu ký: 050.
- 28/3/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) ra quyết định số 50/QĐ-TTGDHCM công nhận tư cách thành viên giao dịch.

- 05/02/2008 Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 120/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006: Thay đổi tên Công ty; Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.
- 19/11/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 452/QĐ- TTGDHN chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết.
- 12/03/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 135/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ tại HNX.
- 13/01/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch trực tuyến.
- 19/06/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 297/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Sở GDCK Hà Nội (Giao dịch UPCOM).
- 13/08/2009 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận tham gia mạng kết nối Cổng giao tiếp điện tử.
- 11/09/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Công văn số 1377/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên giao dịch Trái phiếu chính phủ chuyên biệt.
- 14/09/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 650/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- 24/11/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 911/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 11/06/2012 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 427/TB-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được trở thành thành viên của Hệ thống Quản lý Thông tin Công ty (CIMS).
- 05/09/2013 Thiết lập kết nối Ngân hàng với BIDV nhằm quản lý tách biệt tiền gửi để giao dịch chứng khoán của khách hàng, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC
- 27/12/2014 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm chuẩn bị cho giao dịch các sản phẩm mới: ETF, Hợp đồng tương lai trái phiếu... theo yêu cầu của hai Sở.
- 15/1/2015 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm triển khai gia nhập

Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

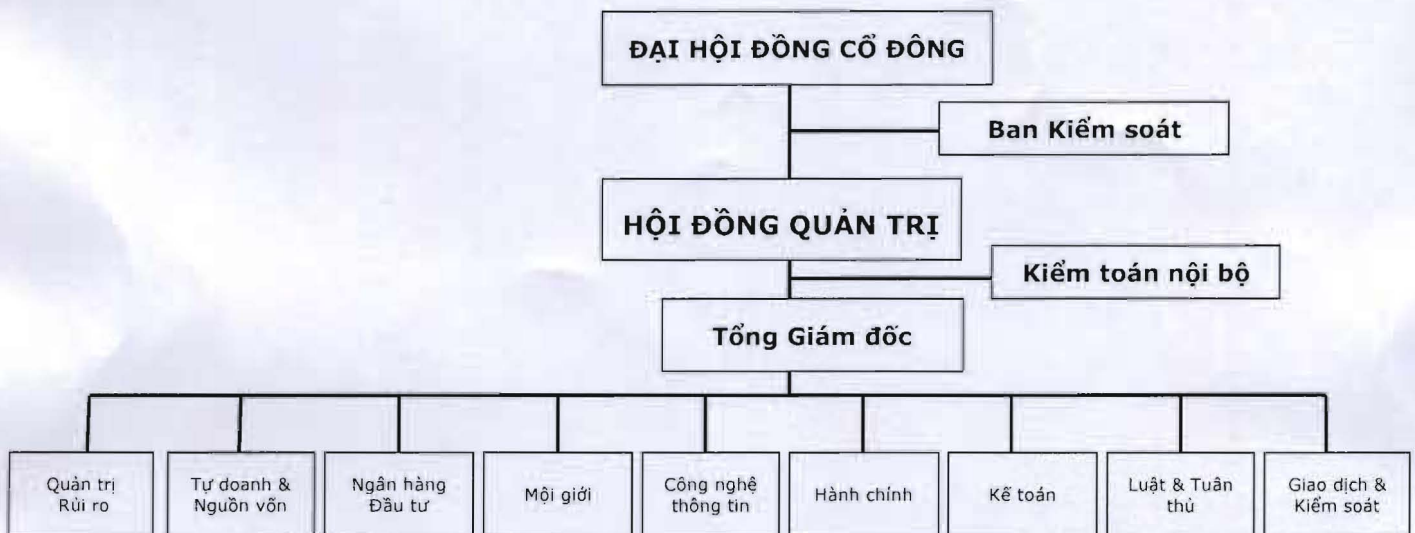
- Ngành nghề kinh doanh: Công ty được phép hoạt động các ngành nghề sau: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Tư vấn đầu tư, tài chính, trong đó mảng Tư vấn đầu tư được chú trọng phát triển.

- Địa bàn kinh doanh: Không hạn chế địa bàn, phụ thuộc vào địa bàn của đối tác kinh doanh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Hiện tại Công ty không thành lập công ty con và cũng không góp vốn vào bất kỳ công ty liên kết nào.

Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Định hướng phát triển

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, ban lãnh đạo MSGS luôn tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố nội tại bằng cách tập trung đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên và phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho các khách hàng.

Công ty xác định sứ mệnh của mình trước mắt như sau:

- ✓ Tăng cường lợi ích bền vững cho các khách hàng các các cổ đông;
- ✓ Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, ngôi nhà thứ hai của các tài năng;
- ✓ Áp dụng thực tiễn quản lý tốt nhất và cách thức quản trị tiêu chuẩn quốc tế;
- ✓ Là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và thị trường tài chính Việt Nam; giữa các doanh nghiệp Việt Nam và thị trường vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa sứ mệnh, Công ty sẽ tập trung phát triển các lợi thế cạnh tranh cốt lõi sau:

- ✓ Tập trung sử dụng hiệu quả các mối quan hệ và sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược;

- ✓ Tập trung phát triển các dịch vụ tài chính; đặc biệt là các mảng dịch vụ tư vấn (Advisory), mua bán sáp nhập (M&As), đối tác chiến lược, phát hành và niêm yết cổ phiếu và trái phiếu ra các thị trường tài chính trong nước và quốc tế;
- ✓ Phát triển dịch vụ Môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài;
- ✓ Áp dụng các quy trình và chính sách hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế;

Trong dài hạn, MSGS định hướng một số chiến lược phát triển chính như sau:

- ✓ Định hướng phát triển MSGS thành định chế tài chính đa năng;
- ✓ Từng bước tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;
- ✓ Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- ✓ Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản lý rủi ro;
- ✓ Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS;
- ✓ Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;
- ✓ Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

5. Các rủi ro

Rủi ro hoạt động kinh doanh của Công ty được theo dõi và đánh giá bởi bộ phận Quản trị rủi ro hàng quý. Qua báo cáo Quản trị rủi ro, các chỉ số cũng như những nhận định về rủi ro có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty được phân tích và cập nhật kịp thời. Hiện nay, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn được duy trì ổn định với các yếu tố rủi ro được đánh giá ở mức thấp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2015, do sự sụt giảm của lãi suất, Công ty ghi nhận lỗ 1.304.997.108 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được bộ máy quản lý điều hành và các bộ phận nghiệp vụ với những thành viên có năng lực chuyên môn cao.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Về nhân sự: trong năm 2015 nhân sự của Công ty đã cắt giảm từ 26 nhân viên xuống 24 nhân viên nhằm đã xây dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động với các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.
- Về cơ sở vật chất: Trong năm 2015, Công ty đã cập nhật và thử nghiệm thành công hệ thống giao dịch nhằm đáp ứng yêu cầu từ 2 Sở. Cụ thể, Công ty đã cập nhật và thử nghiệm thành công hệ thống giao dịch nhằm triển khai tham gia Hệ thống quản lý thông tin công ty chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và để đáp ứng với những quy định mới trong hệ thống giám sát của HNX.
- Về kinh doanh: Thực hiện mục tiêu chiến lược là tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong mảng Tư vấn đầu tư, mua bán sáp nhập, bộ phận Tư vấn của Công ty đã tiếp tục nỗ lực mở rộng các giao dịch tiềm năng trong các ngành mới như ngành sản xuất và truyền thông.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

- Thành phần Hội đồng Quản trị:

- Ông Ronald Ong: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Tô Minh Hương: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thị Nhung: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông James Hedley Bidlake: Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ban Kiểm soát

- Ông Ravi Harish Vazirani: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Đặng Linh Giang: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Bùi Mỹ Hạnh: Thành viên Ban Kiểm soát

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành

<p>Ronald Whatt Soon Ong</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Morgan Stanley</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ông Ronald Whatt Soon Ong là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt. ▪ Ông Ronald Ong hiện đang là Giám đốc điều hành, Chủ tịch và Tổng Giám đốc Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á. ▪ Ông Ronald Ong gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 1995. Từ năm 1995 đến nay, Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng của tập đoàn Morgan Stanley như Giám đốc điều hành, trưởng bộ phận Ngân hàng Đầu tư của Morgan Stanley (Singapore) và Tổng Giám đốc của Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á. ▪ Ông Ronald Ong có bằng cử nhân quản trị kinh doanh của trường đại học Quốc gia Singapore.
<p>Bà Tô Minh Hương</p> <p><i>Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>Cố đồng sáng lập</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đồng sáng lập viên, kiêm Tổng Giám đốc và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGV). ▪ Trước khi đến với MSGV, Bà từng là Đồng sự (Partner) và Giám đốc Đầu tư (CIO) tại Vietnam Partners LLC, phụ trách về các vấn đề về đầu tư và quản lý danh mục đầu tư từ năm 2005 đến 2007. Bà cũng là thành viên chủ chốt tham gia thành lập Công ty Quản lý Quỹ BIDV - Vietnam Partners (BVIM) và Quỹ Đầu tư Việt Nam I. ▪ Từ năm 2003 đến 2004, Bà là Trưởng nhóm Xây dựng Mô hình Quản lý Rủi ro Tín dụng Doanh nghiệp (Dự án Basel II)- Bộ phận Quản lý Rủi ro – Ngân hàng Tây Úc, Ngân hàng Halifax Bank of Scotland Australia. ▪ Bà cũng là Giảng viên về Tài chính tại Trường Đại học Tây Úc từ tháng 06 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bà từng làm việc tại Bộ phận Ngân hàng Doanh nghiệp (Corporate Banking) tại Citibank N.A. – Chi nhánh Hà Nội trong thời gian từ năm 1997 – 1998 – đặc biệt liên quan đến khách hàng tổ chức, tài chính thương mại và tài chính dự án. ▪ Bà có viết nhiều bài báo chuyên ngành được đăng tại các tạp chí quốc tế nổi tiếng như <i>Journal of Credit Risk</i>, <i>Journal of International Financial Markets, Institutions, and Money</i>, và các báo cáo tại nhiều hội thảo chuyên ngành khác.
<p>Nguyễn Thị Nhung</p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Công ty Thanh Ba</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bà Nguyễn Thị Nhung là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGV). ▪ Bà Nhung từ năm 1994-1996 giữ nhiệm vụ Trợ lý Giám đốc tại Elysee Investissement và từ năm 1996 đến nay là Đồng sáng lập viên Công ty OPENASIA. ▪ Bà Nhung có bằng cử nhân (Chuyên ngành Tiếng Pháp) của trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trung tâm Quản lý & Đào tạo Pháp Việt CFVG và là Thạc sĩ Quản lý Dự án Quốc tế của Trường Đại học Thương mại Paris ESCP.
<p>James Hedley Bidlake</p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ông James Hedley Bidlake là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGV). ▪ Ông James Bidlake gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 2004 với tư cách là luật sư của bộ phận Ngân hàng Đầu tư. ▪ Ông James Bidlake đã từng làm việc cho Tòa án Tối cao của Anh Quốc và xứ Wales cũng như Tòa án Dân sự Tối cao của Hồng Kông và có bằng cao học chuyên ngành luật của Đại học Luật, Guilford, Hoa Kỳ

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2015 không có sự thay đổi nhân sự nào liên quan tới các chức danh Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số nhân viên trong năm 2015 là 24. Các chính sách chủ yếu về nhân sự:

- **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

- **Chính sách tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được các nhân sự có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các nhân sự đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí

quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.
- **Chính sách đào tạo:** Công ty chú trọng vào việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBCNV thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. MSGS cũng đã gửi nhân viên đến Morgan Stanley trong các chuyến tập huấn ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ và xây dựng mạng lưới mối quan hệ.
- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**
 - **Chính sách lương:** Chính sách lương của Công ty bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo bảng cấp, khả năng và hiệu quả công việc.
 - **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.
- **Các chính sách khác**
 - **Chính sách bảo hiểm:** Toàn bộ nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chính sách về Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ và tham gia chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn cá nhân cho toàn thể CBCNV và người thân (bao gồm vợ, chồng, con..) được khám, chữa bệnh miễn phí trong các hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế.
 - **Chính sách khác:** Công ty đã hỗ trợ cán bộ nhân viên thi chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, tổ chức thăm hỏi, hiếu hỉ, tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, các ngày lễ trong năm động viên tinh thần cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2015 công ty không thực hiện bất kì khoản đầu tư tài chính nào cũng như không chào bán chứng khoán để gọi vốn thực hiện dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con và không góp vốn vào bất kì công ty liên kết nào.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	364.538.318.234	362.150.437.912	-0,7%
Doanh thu thuần	22.502.733.106	18.237.401.901	-19,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.285.741.553	(1.304.997.108)	-201,5%
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	1.285.741.553	(1.304.997.108)	-201,5%
Lợi nhuận sau thuế	1.036.376.763	(1.304.997.108)	-225,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	0	0	0

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2014	2015
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	109,45	161,97
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	4,52	5,85
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,91	0,62
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,92	0,62
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,17	5,04
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,61	(7,15)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,29	(0,29)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,28	(0,36)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,71	(7,16)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần (Tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Tổ chức				
1	Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	14.700.000	147.000.000.000	49%
2	Công ty TNHH Thanh Ba	9.300.000	93.000.000.000	31%
Cá nhân				
1	Bà Tô Minh Hương	6.000.000	60.000.000.000	20%
Tổng cộng		30.000.000	300.000.000.000	100%

b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông tổ chức: 80%, cổ đông cá nhân: 20%
- Cổ đông nước ngoài: 49%, cổ đông trong nước: 51%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015 không có sự thay đổi nào về vốn chủ sở hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Trong năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 24 nhân viên
- Mức lương trung bình (2015) : 22.600.000 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2015, công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho người lao động, do đó người lao động được hưởng mọi quyền lợi từ các chính sách Bảo hiểm theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty cũng tổ chức khám sức khỏe tổng quát định kỳ vào cuối năm cho người lao động và tham gia chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cá nhân cho người lao động và người thân.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2015, Ban Lãnh đạo Công ty đã tiến hành các đợt huấn luyện nhằm phổ biến các quy định mới của Ủy ban Chứng khoán và các Sở có ảnh hưởng trực tiếp tới các nghiệp vụ kinh doanh cũng như bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ theo các quy định mới này.

Ngoài ra Công ty vẫn tiếp tục hỗ trợ nhân viên hoàn thành các Chứng chỉ chuyên môn, Chứng chỉ hành nghề đảm bảo cho hoạt động nghiệp vụ của các phòng ban.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2015, do sự sụt giảm của lãi suất, Công ty ghi nhận lỗ 1.304.997.108 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được bộ máy quản lý điều hành và thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ với các cơ quan quản lý cũng như với người lao động.

Những tiền bộ công ty đã đạt được: Trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng như phát triển đội ngũ nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình nghiệp vụ trong hoạt động giao dịch môi giới, thanh toán giao dịch hàng ngày.

2. Tình hình tài chính

Trong năm 2015, tổng tài sản đã giảm 0,7% so với năm 2014, tổng nợ giảm 33% so với năm 2014.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Trong năm 2015 Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Trong năm 2016, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục:

- Tập trung phát triển dịch vụ Tư vấn
- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin
- Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.
- Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* N/a

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

Trong năm 2015, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định chung gây ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:*

Trong năm 2015, mặc dù có nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty nhưng toàn thể nhân viên đã nỗ lực để duy trì tốt các hoạt động kinh doanh và đảm bảo một môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Về cơ sở vật chất, Công ty đã duy trì hệ thống giao dịch ở mức ổn định, giảm thiểu rủi ro trong các giao dịch với khách hàng. Trong năm 2015, hệ thống giao dịch cũng đã được cập nhật và thử nghiệm thành công đáp ứng các yêu cầu mới từ Ủy ban và các Sở giao dịch.

Công ty chấp hành nghiêm túc các chính sách về hoạt động theo yêu cầu của các cơ quan quản lý cũng như các quy định chung đảm bảo sự ổn định của cộng đồng tại địa phương.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh của công ty ở mức ổn định, theo dõi sát sao và kịp thời các rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động của công ty, nhằm xây dựng và duy trì hình ảnh tích cực của Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự và xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách tuân thủ, quy trình nghiệp vụ để tạo nền móng cho sự phát triển trong tương lai.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***1. Ý kiến kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Văn phòng Hà Nội: Tầng 12A, toà nhà Vinaconex- 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội

Tel: +84 4 6288 3568

Fax: +84 4 62885678

Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích trình bày ý kiến về báo cáo tài chính cơ bản một cách tổng thể. Các thông tin bổ sung từ trang 22 đến trang 26 chỉ nhằm cung cấp thêm thông tin mà không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính cơ bản. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính cơ bản này, và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		361.048.625.066	362.474.051.486
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.027.815.155	3.962.702.896
1. Tiền	111		1.027.815.155	1.662.702.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	347.997.121.500	347.507.683.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		350.368.704.500	350.000.434.200
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.371.583.000)	(2.492.751.200)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.638.718.802	10.143.142.943
1. Các khoản phải thu khác	138	7	10.638.718.802	10.143.142.943
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.384.969.609	860.522.647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		842.059.324	705.701.362
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		154.821.285	154.821.285
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		388.089.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.101.812.846	2.064.266.748
I. Tài sản cố định	220		483.636.047	837.024.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	334.022.434	592.429.942
- Nguyên giá	222		5.798.954.502	5.798.954.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.464.932.068)	(5.206.524.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	149.613.613	244.594.852
- Nguyên giá	228		3.000.968.383	3.000.968.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.851.354.770)	(2.756.373.531)
II. Tài sản dài hạn khác	260		618.176.799	1.227.241.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	24.483.880	277.305.248
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	586.557.639	554.712.426
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.135.280	395.224.280
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		362.150.437.912	364.538.318.234
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		2.228.989.821	3.311.873.035
I. Nợ ngắn hạn	310		2.228.989.821	3.311.873.035
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	412.240.324	454.657.596
2. Phải trả người lao động	324		-	983.624.000
3. Chi phí phải trả	316	13	1.037.109.505	929.791.745
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	748.049.500	916.794.853
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		31.590.492	27.004.841
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		359.921.448.091	361.226.445.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	359.921.448.091	361.226.445.199
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.134.983.953	6.134.983.953
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.786.464.138	55.091.461.246
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		362.150.437.912	364.538.318.234

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2015	31/12/2014
1. Chứng khoán lưu ký	006	4.585.010.000	3.812.790.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.206.610.000	3.511.520.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	292.690.000	291.750.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.438.350.000	2.711.700.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	427.300.000	427.300.000
1.1.4. Chứng khoán giao dịch của khách hàng ủy quyền	011	48.270.000	80.770.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	013	359.100.000	300.520.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	014	1.850.000	1.950.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	015	299.250.000	298.570.000
1.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	016	58.000.000	-
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	029	50.000	50.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	030	-	50.000
1.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	031	50.000	-
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	041	19.250.000	700.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		20.000	40.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		19.230.000	660.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu	01		18.237.401.901	22.502.733.106
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.084.705	24.564.772
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		535.055	2.502.939
Doanh thu khác	01.9		18.232.782.141	22.475.665.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		18.237.401.901	22.502.733.106
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	737.585.571	821.089.593
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		17.499.816.330	21.681.643.513
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.804.813.438	20.395.901.960
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(1.304.997.108)	1.285.741.553
8. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		(1.304.997.108)	1.285.741.553
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	249.364.790
10. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(1.304.997.108)	1.036.376.763

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(1.304.997.108)	1.285.741.553
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	353.388.747	595.956.468
Hoàn nhập các khoản dự phòng	03	(121.168.200)	(187.893.345)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.138.075.469)	(22.368.934.440)
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.210.852.030)	(20.675.129.764)
Thay đổi các khoản phải thu	09	12.191.278	397.366.764
Thay đổi chứng khoán tự doanh và đầu tư ngắn hạn khác	10	(368.270.300)	(4.270.384.255)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.082.883.214)	272.880.047
Thay đổi chi phí trả trước	12	116.463.406	662.535.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(382.822.197)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(31.845.213)	(55.687.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.565.196.073)	(24.051.241.604)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(542.187.600)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.630.308.332	24.511.740.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.630.308.332	23.969.552.673
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(2.934.887.741)	(81.688.931)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.962.702.896	4.044.391.827
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.027.815.155	3.962.702.896

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015***MẪU SỐ B 05-CTCK***Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Số dư tại ngày		Số tăng/ (giảm) trong kỳ				Số dư tại ngày	
	01/01/2014	31/12/2014	2014		2015		31/12/2014	31/12/2015
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.031.346.276	6.134.983.953	103.637.677	-	-	-	6.134.983.953	6.134.983.953
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.158.722.160	55.091.461.246	1.036.376.763	(103.637.677)	-	(1.304.997.108)	55.091.461.246	53.786.464.138
	360.190.068.436	361.226.445.199	1.140.014.440	(103.637.677)	-	(1.304.997.108)	361.226.445.199	359.921.448.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 26 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Tuy nhiên, chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán chưa được loại trừ ra khỏi bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Đây là số tiền của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư tại tài khoản của công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	30.000.000	30.000.000
Tiền gửi ngân hàng	445.524.734	965.786.132
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.655.884	1.693.157
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	550.634.537	665.223.607
Tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng	-	2.300.000.000
	1.027.815.155	3.962.702.896

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.586.948.800	2.586.931.300
Cổ phiếu niêm yết	14.330.700	13.502.900
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	347.767.425.000	347.400.000.000
	350.368.704.500	350.000.434.200
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.365.245.900)	(2.487.341.300)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(6.337.100)	(5.409.900)
	(2.371.583.000)	(2.492.751.200)
	347.997.121.500	347.507.683.000

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
Chứng khoán tự doanh					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.652	2.586.948.800	-	(2.365.245.900)	221.702.900
- Cổ phiếu niêm yết	802	14.330.700	2.500.000	(6.337.100)	10.493.600
	29.454	2.601.279.500	2.500.000	(2.371.583.000)	232.196.500

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
Chứng khoán tự doanh					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.645	2.586.931.300	-	(2.487.341.300)	99.590.000
- Cổ phiếu niêm yết	730	13.502.900	2.540.100	(5.409.900)	10.633.100
	29.375	2.600.434.200	2.540.100	(2.492.751.200)	110.223.100

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	(Giảm) so với giá thị	Tổng giá trị thị trường (VND)
			trường (VND)	
Cổ phiếu chưa niêm yết				
PMT	28.400	2.584.400.000	(2.362.880.000)	221.520.000
Cổ phiếu khác (*)	252	2.548.800	(2.365.900)	182.900
Cổ phiếu niêm yết				
QNC	81	2.264.400	(1.810.800)	453.600
VTS	52	1.944.800	(1.518.400)	426.400
SDP	93	1.683.300	(1.255.500)	427.800
Cổ phiếu khác (*)	309	4.867.400	(1.752.400)	3.115.000
	29.187	2.597.708.700	(2.371.583.000)	226.125.700

(*) Cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.629.658.802	10.134.082.943
Phải thu khác	9.060.000	9.060.000
	10.638.718.802	10.143.142.943

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	65.754.000	4.880.012.002	853.188.500	5.798.954.502
Tại ngày 31/12/2015	65.754.000	4.880.012.002	853.188.500	5.798.954.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	65.754.000	4.287.582.060	853.188.500	5.206.524.560
Khấu hao trong năm	-	258.407.508	-	258.407.508
Tại ngày 31/12/2015	65.754.000	4.545.989.568	853.188.500	5.464.932.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	-	334.022.434	-	334.022.434
Tại ngày 31/12/2014	-	592.429.942	-	592.429.942

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 4.538.768.562 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.443.213.762 VND)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	3.000.968.383
Tại ngày 31/12/2015	3.000.968.383
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	2.756.373.531
Khấu hao trong năm	94.981.239
Tại ngày 31/12/2015	2.851.354.770
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	149.613.613
Tại ngày 31/12/2014	244.594.852

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 2.672.312.188 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.447.312.188 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	226.111.696
Chi phí mua phần mềm máy tính	24.483.880	51.193.552
	24.483.880	277.305.248

11. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	98.961.437	98.961.437
Tiền nộp bổ sung	456.521.118	400.748.378
Tiền lãi phân bổ trong năm	31.075.084	55.002.611
	586.557.639	554.712.426

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	412.240.324	454.657.596
	412.240.324	454.657.596

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	664.555.570	671.950.570
Phí dịch vụ tư vấn và kiểm toán	240.900.000	189.200.000
Khác	131.653.935	68.641.175
	1.037.109.505	929.791.745

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	552.350.500	666.913.853
Phải trả, phải nộp khác	195.699.000	249.881.000
	748.049.500	916.794.853

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	6.031.346.276	54.158.722.160	360.190.068.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.036.376.763	1.036.376.763
Trích lập các quỹ	-	103.637.677	(103.637.677)	-
Tại ngày 01/01/2015	300.000.000.000	6.134.983.953	55.091.461.246	361.226.445.199
(Lỗ) trong năm	-	-	(1.304.997.108)	(1.304.997.108)
Tại ngày 31/12/2015	300.000.000.000	6.134.983.953	53.786.464.138	359.921.448.091

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép điều chỉnh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	147.000.000.000	49	147.000.000.000	49
Bà Tô Minh Hương	60.000.000.000	20	60.000.000.000	20
Công ty TNHH Thanh Ba	93.000.000.000	31	93.000.000.000	31
	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	827.999.732	816.092.178
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	128.693	166.718.045
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.911.762	2.258.299
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	(121.168.200)	(187.893.345)
Các chi phí khác	28.713.584	23.914.416
	737.585.571	821.089.593

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(1.304.997.108)	1.285.741.553
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	468.255	814.239
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm trước	144.895.000	330.657.000
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	240.900.000	179.206.005
Thu nhập chịu thuế	(1.209.460.363)	1.133.476.319
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	249.364.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	249.364.790

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 15 tháng 02 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê tòa nhà số 8 Thiên Quang với Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 129.363.000 VND/tháng trong 24 tháng đầu và sẽ tăng lên 20% kể từ tháng thứ 25 trở đi. Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký phụ lục gia hạn hợp đồng nêu trên đến ngày 14 tháng 8 năm 2016 với phí thuê nhà là 158.681.818 VND/tháng.

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	1.027.815.155	3.962.702.896
Đầu tư ngắn hạn	347.997.121.500	347.507.683.000
Phải thu khác	10.638.718.802	10.143.142.943
Tài sản ngắn hạn khác	388.089.000	-
Tài sản dài hạn khác	7.135.280	395.224.280
Tổng cộng	360.058.879.737	362.008.753.119
Công nợ tài chính		
Chi phí phải trả	372.553.935	257.841.175
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	748.049.500	916.794.853
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31.590.492	27.004.841
Tổng cộng	1.152.193.927	1.201.640.869

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào do không có các khoản vay phát sinh

trong năm.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty chủ yếu hình thành từ lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	1.027.815.155	-	1.027.815.155
Đầu tư ngắn hạn	347.997.121.500	-	347.997.121.500
Phải thu khác	10.638.718.802	-	10.638.718.802
Tài sản ngắn hạn khác	388.089.000	-	388.089.000
Tài sản dài hạn khác	-	7.135.280	7.135.280
Tổng cộng	360.051.744.457	7.135.280	360.058.879.737
31/12/2015			
Chi phí phải trả	372.553.935	-	372.553.935
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	748.049.500	-	748.049.500
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31.590.492	-	31.590.492
Tổng cộng	1.152.193.927	-	1.152.193.927
Chênh lệch thanh khoản thuần	358.899.550.530	7.135.280	358.906.685.810
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.962.702.896	-	3.962.702.896
Đầu tư ngắn hạn	347.507.683.000	-	347.507.683.000
Phải thu khác	10.143.142.943	-	10.143.142.943
Tài sản dài hạn khác	-	395.224.280	395.224.280
Tổng cộng	361.613.528.839	395.224.280	362.008.753.119
31/12/2014			
Chi phí phải trả	257.841.175	-	257.841.175
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	916.794.853	-	916.794.853
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.004.841	-	27.004.841
Tổng cộng	1.201.640.869	-	1.201.640.869
Chênh lệch thanh khoản thuần	360.411.887.970	395.224.280	360.807.112.250

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	6.125.791.580	5.559.801.563

21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	2015	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh Cổ phiếu	86	175.800
2. Chứng khoán của nhà đầu tư Cổ phiếu	39.714	1.477.765.900
3. Chứng khoán của người uỷ thác đầu tư Cổ phiếu	3.250	58.825.000
	43.050	1.536.766.700

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔ MINH HƯƠNG